TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày: 24/4/2020
V/v **"*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Văn Khuyến**
Ông Lê Trọng Tính

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Tâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2019/TLST - KDTM ngày 09/12/2019 về việc "***Tranh chấp Hợp đồng tín dụng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST - KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 22/TB-TA ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N**

Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê M H - Giám đốc Ngân hàng N- chi nhánh B (Theo Quyết định về việc ủy quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N)

Ông Lê M H ủy quyền lại cho ông Đinh Thế T – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2019). Có mặt

Bị đơn: Nguyễn Trọng M - sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước. Có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1979

HKTT: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Chỗ ở: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019, bản tự khai lưu tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Thế Tĩnh trình bày:

Ngày 16/11/2018, Ngân hàng N- chi nhánh B (sau đây viết tắt là ngân hàng) và ông Nguyễn Trọng M có ký Hợp đồng tín dụng số 5609LAV-201803480 với nội dung:

- Ngân hàng cho ông Nguyễn Trọng M vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay: Kinh doanh mua bán quần áo.

- Lãi suất: 9,8%/năm. Tại thời điểm ký hợp đồng 06 tháng trả lãi một lần. Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàng N chi nhánh tỉnh Bình Phước.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất đã thỏa thuận.

- Phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/11/2018.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 16/11/2018, giữa Ngân hàng N– chi nhánh B và ông M đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2018110602 có nội dung: Ông Nguyễn Trọng M thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 103,2m^2 tại thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số CO 036889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/11/2018 cho ông Nguyễn Trọng M, tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 100m^2.

Ngân hàng N- chi nhánh B đã thực hiện việc giải ngân tiền cho ông M theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông M trả ngân hàng số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Nếu ông M không trả được nợ, ngân hàng sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng M trình bày:

Ngày 16/11/2018, ông có vay Ngân hàng N– chi nhánh B số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 14,7%/năm, mục đích vay: Kinh doanh mua bán quần áo. Giữa hai bên có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5609LAV-201803480, thời hạn trả tiền: 16/11/2019. Để đảm bảo khoản vay, ông đã thế chấp cho ngân hàng mảnh đất có diện tích 103,2m^2 tại thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, do ông dược Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp GCNQSDĐ số CO 036889 ngày 05/11/2018. Tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4 có diện tích sử dụng 100m^2.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông lại đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước thời hạn 24 tháng, ông bắt đầu đi cai nghiện ma túy từ ngày 16/4/2019 nên từ khi vay tiền ngân hàng đến nay, ông chưa trả được ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi nào. Do đó, ông đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho ông sau khi hết thời hạn cai nghiện bắt buộc ông sẽ thanh toán hết tiền nợ cho ngân hàng. Nếu ông không trả được nợ, ông đồng ý để ngân hàng phát mại tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên và ngôi nhà mà ông đã thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm khoản vay.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Trọng M đã ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện P.

Bà không biết việc ông M ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền ngân hàng vì vào thời điểm đó bà và ông M đã ly hôn với nhau. Do bà còn tên trong sổ hộ khẩu với ông M nên ông M có nhờ bà ký vào Giấy ủy quyền đề ngày 19/11/2018 để ông M làm đủ các thủ tục vay số tiền 200.000.000 đồng của ngân hàng. Do đó, việc ông M vay tiền và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở không liên quan đến bà.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông M phải trả số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/4/2020 là 227.774.000đ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 23.144.000 đồng, tiền lãi quá hạn 4.242.000 đồng, tiền lãi chậm trả 388.000 đồng. Nếu ông M

không trả hoặc không trả đủ số tiền trên thì đại diện nguyên đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 103,2m^2 tại thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, GCNQSDĐ số CO 036889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/11/2018 cho ông Nguyễn Trọng M.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- ***Về tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các Điều 117, 119, 320, 323, 408, 419, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Trọng M phải trả Ngân hàng Nsố tiền nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng. Nếu ông M không trả hoặc không trả đủ số tiền trên thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 103,2m^2 tại thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, GCNQSDĐ số CO 036889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/11/2018 cho ông Nguyễn Trọng M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng Nvà bị đơn là ông Nguyễn Trọng M, có địa chỉ cư trú tại: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trọng M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Hợp đồng tín dụng số 5609-LAV-201803480 ngày 16/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N– chi nhánh B và ông Nguyễn Trọng M, các bên thống nhất thỏa thuận trong hợp đồng: Ngân hàng N– chi nhánh B đồng ý cho ông Nguyễn Trọng M vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận, phạt chậm trả lãi 10%/năm, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 16/12/2018. Nghĩa vụ của hợp đồng được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2018110602; ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu bên vay không trả nợ khi đến hạn trong trường hợp các bên không có thỏa thuận khác. Nội dung và hình thức Hợp đồng đã tuân thủ quy định tại các điều 117 và 119 Bộ luật dân sự năm 2015 khi giao kết nên xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên pH có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N– chi nhánh B đã thực hiện đúng cam kết là giải ngân số tiền 200.000.000 đồng cho ông Nguyễn Trọng M vay, ông M đã nhận đủ số tiền này. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ nhưng ông M không trả được nợ và giữa các bên cũng không thỏa thuận cơ cấu lại nợ nên ngân hàng đã khởi kiện ông M tại Tòa án. Mặc dù trong thời gian vay tiền, ông M pH đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Bình Phước theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14/2019/QĐ-TA ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện P. Tuy nhiên, việc ông M đi cai nghiện không pH là trường hợp bất khả kháng theo quy định tại khoản 2 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp, ngày 19/11/2018, bà Nguyễn Thị H có ký Giấy ủy quyền có nội dung: Ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng M thay mặt bà H thực hiện các thủ tục vay vốn tại ngân hàng và các vấn đề liên quan đến tài sản bảo đảm khoản vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày bà và ông M đã ly hôn nhau năm 2016, lý do bà ký Giấy ủy quyền vì bà vẫn còn tên trong sổ hộ khẩu gia đình với ông M, đồng thời bà H cung cấp Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm ông M vay tiền ngân hàng ngày 16/11/2018, bà H và ông M đã ly hôn nhau. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 103,2m^2 tại thôn 1, xã L, huyện P ông M được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cho cá nhân ông ngày 05/11/2018. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định khoản vay trên là của riêng ông M, bà H

không liên quan nên không pH chịu trách nhiệm liên đới trả nợ ngân hàng cùng với ông M.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tài sản thế chấp là 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền này Ngân hàng N- chi nhánh B đã nộp. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Trọng M có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Nkhông pH chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng. Ông M pH chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26; 35; 39; khoản 4 Điều 147; 157; 158 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Trọng M phải trả Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/4/2020 là 227.774.000đ (hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 23.144.000 đồng, tiền lãi quá hạn 4.242.000 đồng, tiền lãi chậm trả 388.000 đồng

Kể từ ngày 25/4/2020, ông M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 5609-LAV-201803480 ngày 16/11/2018 giữa Ngân hàng N– chi nhánh B và ông Nguyễn Trọng M cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2018110602 ngày 16/11/2018 giữa Ngân hàng N– chi nhánh B và ông Nguyễn Trọng M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông M không trả hoặc không trả đủ số tiền trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng Ncó quyền yêu cầu có quan có thẩm quyền phát mại tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 103,2m^2 tại thôn 1,

xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất là căn nhà cấp IV có diện tích 100m^2. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 036889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/11/2018 cho ông Nguyễn Trọng M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 5609-2018110602 ngày 16/11/2018 để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/.Về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp: là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Ngân hàng N không phải chịu. Ông Nguyễn Trọng M có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N.

3/. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Nguyễn Trọng M phải chịu 11.389.000đ (Mười một triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 5.270.000đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 027372 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND H. P;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải